

Bài 3. Đọc đoạn văn sau rồi thực hiện yêu cầu:

“Bên vệ đường, sừng sững một cây sồi. Đó là một cây sồi lớn, hai người ôm không xuể, có những cành có lẽ đã gãy từ lâu, vỏ cây nứt nẻ và đầy sẹo. Với những cánh tay xù xì không cân đối, với những ngón tay quẹo quào xòe rộng, nó như một con quái vật già nua cau có và khinh khỉnh đứng giữa đám bạch dương tươi cười.”

- a. Trong đoạn văn trên, tác giả tả: _____
- b. Gạch dưới các từ láy có trong đoạn văn trên.
- c. Dùng dấu gạch chéo xác định các thành phần trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ của câu sau:
- “Bên vệ đường, sừng sững một cây sồi.”

Bài 4. Đọc đoạn thơ sau:

“Tiếng chim lay động lá cành
 Tiếng chim đánh thức chồi xanh dậy cùng.
 Tiếng chim vỗ cánh bầy ong
 Tiếng chim tha nắng rải đồng vàng thắm...”

(Trích “Tiếng chim buổi sáng” – Định Hải)

- a. Tìm danh từ, động từ, tính từ trong đoạn thơ.

- Danh từ: _____

- Động từ: _____

- Tính từ: _____

- b. Theo em, nhà thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để miêu tả tiếng chim buổi sáng? Biện pháp nghệ thuật đó giúp chúng ta cảm nhận được tiếng chim buổi sáng có ý nghĩa như thế nào?

TUẦN 29: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI**TẬP ĐỌC**

“Đường đi Sa Pa” (Theo Nguyễn Phan Hách)

“Trăng ơi... từ đâu đến?” (Theo Trần Đăng Khoa)

CHÍNH TẢ

Phân biệt tr/ch, êt/êch

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ: “Du lịch – Thám hiểm”

Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị

I. Kiến thức**Cách giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị**

- Khi nêu yêu cầu, đề nghị, phải giữ phép lịch sự;
- Muốn cho lời yêu cầu, đề nghị được lịch sự, cần có cách xưng hô cho phù hợp và thêm vào trước hoặc sau động từ các từ “làm ơn”, “giùm”, “giúp”...;
- Có thể dùng câu hỏi để nêu yêu cầu, đề nghị.

II. Bài tập**Mở rộng vốn từ: “Du lịch – Thám hiểm”**

Bài 1. Nối từ ngữ ở cột **A** với nghĩa tương ứng ở cột **B**:

A	B
du lịch	đi chơi đến những nơi xa để hiểu biết thêm về phong cảnh, con người, cuộc sống
du kí	đi xem tận nơi, tận mắt để mở rộng hiểu biết hoặc học tập kinh nghiệm
tham quan	đi đến nhiều nơi và ghi chép lại những trải nghiệm về phong cảnh, con người, cuộc sống
khám phá	tìm thấy, phát hiện ra cái ẩn giấu, bí mật

Bài 2. Kể tên những địa điểm du lịch nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết.

Bài 3. Xếp các từ sau thành hai nhóm:

du lịch, du kích, du canh, du cư, du khách, du kí, du ngoạn, du mục, du xuân

a. Các từ có tiếng “du” có nghĩa là “đi chơi”:

b. Các từ có tiếng “du” có nghĩa là “không cố định”:

Bài 4. Điền tiếng thích hợp vào chỗ trống để tạo từ ghép mang nghĩa tương ứng:

a. _____ du: dạo chơi khắp đó đây.

b. Du _____: đi lại nhiều nơi để hát.

c. Du _____: tàu, thuyền (thường nhỏ, có đầy đủ tiện nghi) dùng để du lịch.

d. Du _____: bay vào không gian vũ trụ để khảo sát trực tiếp các thiên thể và khoảng không gian giữa thiên thể.

Bài 5. Chọn các địa danh phù hợp để giải các câu đố dưới đây:

Huế, Phan Thiết, Cao Bằng, Làng Sen, Hà Nội, bến Nhà Rồng, thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, Nghệ An

a. Nơi nào bắt ngát hương sen

Giữa mùa hoa, Bắc Hồ ta chào đời?

b. Nơi nào thành quách dọc ngang

Theo cha, Bắc vượt gian nan học hành?

c. Nơi nào nằng biển trong lành

Bác dạy đàn trẻ học hành tiến nhanh?

d. Nơi nào giữa chốn đô thành

Bác vì dân, nước lên tàu bốn ba?

e. Nơi nào hang thâm rừng xa

Bác đã vạch đường đánh Nhật, đuổi Tây?

f. Nơi nào lời Bác đẹp thay

Tuyên ngôn độc lập giữa ngày đầu thu?

g. Ở đâu có cảng Nhà Rồng?

h. Ở đâu trồng lúa bạt ngàn mệnh mông?

i. Ở đâu quê Bác kính yêu?

ĐỀ 05**Bài 1.** Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

1. Nhóm từ nào sau đây chỉ gồm các từ ghép?

a. vận động viên, đường chạy, sẵn sàng, cuộc thi

b. vị trí, vòng cua, vận động viên, đường chạy

c. loạng choạng, khu vực, đá dăm, vòng cua

2. Nhóm từ nào sau đây chỉ gồm các từ láy?

a. đường đua, tiếp tục, khập khiễng, rạng rỡ

b. khập khiễng, rạng rỡ, í ới, đám đông

c. lầy bầy, rạng rỡ, khập khiễng, í ới

3. Nhóm từ nào sau đây chỉ gồm các danh từ?

a. niềm vui, yêu thương, tình bạn, nụ cười

b. thương mến, tình thương, may mắn, bạn bè

c. niềm vui, nỗi buồn, tình thương, bạn bè

4. Chủ ngữ trong câu “Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỏ ngõ đứng nép sau người thân, chỉ dám đi từng bước nhẹ.” là:

a. cũng như tôi, mấy cậu học trò mới

b. mấy cậu học trò

c. mấy cậu học trò mới

5. Thành ngữ, tục ngữ nào sau đây nói về tinh thần lạc quan?

a. “Ăn chắc mặc bền.”

b. “Thất bại là mẹ thành công.”

c. “Đi một ngày đàng học một sàng khôn.”

Bài 2. Đặt câu theo yêu cầu sau:

a. có từ “hi vọng” là động từ

b. có từ “hi vọng” là danh từ

Bài 4. Đọc đoạn thơ sau:

“Rừng mơ ôm lấy núi
 Mây trắng đọng thành hoa
 Gió chiều đông gợn gợn
 Hương bay gần bay xa.”

(Trích “Rừng mơ” – Trần Lê Văn)

a. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra từ ngữ thể hiện biện pháp nghệ thuật đó.

b. Nêu cảm nhận của em về hình ảnh rừng mơ trong đoạn thơ trên.

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 8 đến 10 câu kể về một câu chuyện cảm động mà em được chứng kiến trong cuộc sống.

Giữ phép lịch sự khi bày tỏ yêu cầu, đề nghị

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu thể hiện tính lịch sự:

- a. Hãy mở cửa ra đi!
- b. Đau không? Đứng dậy đi!
- c. Bố phải mua đồ chơi đấy!
- d. Bà ơi, bà có mệt lắm không ạ?
- e. Này, cho mượn cái bút đi nào!
- f. Cô ơi, cô cho cháu hỏi cuốn sách này bao nhiêu tiền ạ?

Bài 2. So sánh từng cặp câu dưới đây về tính lịch sự. Cho biết vì sao những câu đó giữ hoặc không giữ được phép lịch sự.

- a. – Nam ơi, cậu cho tớ mượn quyển truyện tranh này nhé! (1)
 – Cho mượn sách đi! (2)
- b. – Cuối tháng này, bố mẹ cho con đi trung tâm thương mại nhé. (3)
 – Bố mẹ phải cho con đi chơi ở trung tâm thương mại đấy! (4)

Bài 3. Chuyển mỗi câu kể sau thành câu cầu khiến:

a. Lan học bài.

b. Chú mèo bắt chuột.

c. Cuối tuần này, cả lớp đi xem phim.

Bài 4. Đặt câu cầu khiến phù hợp với mỗi tình huống sau:

a. Em yêu cầu bạn không nói chuyện trong giờ học.

b. Em nhắc nhở bạn xếp hàng đúng quy định.

c. Em mượn đồ dùng học tập của bạn.

Bài 5. Em có nhận xét gì về cách đặt câu hỏi và lời đáp của các nhân vật trong đoạn trích sau?

“Ông bố dắt con đến gặp thầy giáo để xin học. Thầy Rơ-nê đã già, mái tóc ngả màu xám, da nhăn nheo, nhưng đi lại vẫn nhanh nhẹn... Thầy hỏi:

– Con tên là gì?

Ông Giô-dép liếc mắt nhìn Lu-i, có ý bảo con trả lời.

– Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ ạ.

– Con đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi?

– Thưa thầy, con muốn đi học ạ.”

TẬP LÀM VĂN

Luyện tập tóm tắt tin tức

Cấu tạo của bài văn miêu tả con vật

I. Kiến thức

Bài văn miêu tả con vật thường có ba phần:

a. Mở bài: Giới thiệu con vật sẽ tả.

b. Thân bài: Miêu tả con vật

– Tả hình dáng;

– Tả thói quen sinh hoạt và một vài hoạt động chính của con vật.

c. Kết bài: Nêu cảm nghĩ đối với con vật.

II. Bài tập

Bài 1. Đọc bài văn sau và thực hiện yêu cầu:

“Nhà em nuôi một chú mèo, chú có cái tên rất dễ thương là Mi Mi. Chú ở nhà em được hai năm rồi. Cả nhà em ai cũng yêu quý chú.

Mi Mi có bộ lông màu xám, điểm những chấm đen. Hai cái tai chú lúc nào cũng vểnh lên, chú nghe ngóng mọi thứ xung quanh rồi ra chiều ngẫm nghĩ lắm. Đôi mắt chú tròn như hai hòn bi ve, đôi mắt ấy sáng quắc vào ban đêm khiến cho lũ chuột sợ khiếp vía. Mèo ta bước đi uyển chuyển cứ như một anh chàng người mẫu chuyên nghiệp vậy. Mỗi khi chú ta làm dáng là cả nhà em lại được một trận cười.

ĐỀ 04

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Từ nào trong các từ sau viết đúng theo quy tắc viết hoa?

a. Tô-mát Ê-đi-xơn

b. Lui Paxtơ

c. Lép Tôn-xôi

d. An-be Anhxtanh

2. Dòng nào dưới đây chỉ gồm các động từ?

a. buồn vui, chạy nhảy, hồi hộp, học tập

b. yêu thương, chuyện trò, lễ phép, đi đứng

c. vui chơi, bầu trời, khóc lóc, ca hát

d. nhảy nhót, cao vút, ăn uống, sung sướng

3. Từ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

a. chạy nhảy

b. mỏng mảnh

c. đi đứng

d. chần nản

4. Tác dụng của dấu ngoặc kép trong câu *Từ một cậu bé nghèo, mồ côi cha, nhờ ý chí, nghị lực của bản thân, Bạch Thái Bưởi đã trở thành “vua tàu thủy”*. là:

a. đánh dấu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt

b. dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật

c. báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước

d. đánh dấu ý nghĩ của nhân vật

Bài 2. Thực hiện các yêu cầu sau:

a. Đặt một câu có từ “kiên nhẫn”:

b. Tìm một thành ngữ hoặc tục ngữ nói về ý chí vượt qua khó khăn, thử thách.

Bài 3. Gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi “Ai (Cái gì/Con gì)?” trong câu sau:

“Trong im ắng, hương vườn thơm thoảng bắt đầu rón rén bước ra, tung tăng trong ngọn gió nhẹ, nhảy lên cỏ, trườn theo những thân cành.”

Bài 5. Cho hai câu tục ngữ: “Thuốc đắng giả tật.”, “Cây ngay không sợ chết đứng.”.

a. Giải thích ý nghĩa của hai câu tục ngữ trên.

b. Đặt câu có chứa một trong hai câu tục ngữ trên.

Bài 6. Nêu cảm nhận của em về tình cảm của người mẹ dành cho con được thể hiện qua đoạn thơ sau của Nguyễn Khoa Điềm:

“Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.”

Bài 7. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một con vật mà em yêu thích.

Mi Mi hay nằm phơi nắng ở thềm nhà, đôi mắt chú lim dim, đôi tai thỉnh thoảng lại vểnh lên để dò la tin tức. Chú ta rất thích món cá rán, bởi thế mà mỗi khi chú bắt được tên chuột xấu tính nào là mẹ em lại thưởng cho chú một con cá rán nho nhỏ, mèo ta rất khoái chí, tha ngay con cá ra một góc và đánh chén ngon lành.

Cả nhà em ai cũng quan tâm tới Mi Mi bởi chú rất ngoan, bắt chuột giỏi nữa chứ. Mẹ em rất hài lòng bởi có Mi Mi trong nhà, lũ chuột không dám quấy phá nữa.”

(Sưu tầm)

a. Bài văn miêu tả con vật nào? _____

b. Bài văn trên gồm có mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần.

Bài 2. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn: “Miêu tả một chú gà trống.”.

PHIẾU CUỐI TUẦN 29

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Trên đường từ nhà đến trường, tôi phải đi qua bờ Hồ Gươm. Lúc có bạn thì trò chuyện tíu tít, có khi đuổi nhau suốt dọc đường. Nhưng khi đi một mình, tôi thích ôm cặp vào ngực, nhìn lên các vòm cây, vừa đi vừa lẩm nhẩm ôn bài.

Vì thế, tôi thường là đứa phát hiện ra bông hoa gạo đầu tiên nở trên cây gạo trước đền Ngọc Sơn. Rồi những hôm sau đó, bông nọ gọi bông kia, bông nọ ganh bông kia, chỉ vài hôm, cây gạo đã như một cây đuốc lớn cháy rừng rực giữa trời.

Nhưng khi lửa ở cây gạo sắp lụi thì nó lại “bén” sang những cây vông cạnh cầu Thê Húc. Rồi thì cả bãi vông lại bùng lên, đỏ gay, đỏ gắt suốt cả tháng tư.

Đến tháng năm thì những cây phượng đón lấy lửa ấy, chạy tiếp cuộc chạy tiếp sức của các loài hoa trong thành phố, báo hiệu những ngày nghỉ hè thoải mái của chúng tôi sắp đến. Nắng trời vừa bắt đầu gay gắt thì sắc hoa như muốn giảm đi độ chói chang của mình. Hoa phượng màu hồng pha da cam chứ không đỏ gắt như vông như gạo. Đến cái anh bằng lăng thì đã vừa hồng vừa tím. Sang đến anh hoa muống thì đã ngả hẳn sang sắc vàng chanh.”

(Trích “Qua những mùa hoa” – Vân Long)

1. Khi đi một mình, trên đường từ nhà đến trường, ngoài việc thích ôm cặp vào ngực, nhìn lên các vòm cây, nhân vật tôi còn làm gì?

- a. trò chuyện b. ôn bài c. đuổi nhau

2. Trong đoạn trích, ngoài Hồ Gươm và đền Ngọc Sơn, tác giả còn nói đến:

- a. cầu Thăng Long b. chợ Đồng Xuân c. cầu Thê Húc

3. Hoa nào dưới đây được xem là loài hoa báo hiệu những ngày nghỉ hè sắp đến?

- a. hoa phượng b. hoa gạo c. hoa vông

4. Câu “Rồi những hôm sau đó... cây gạo đã như một cây đuốc lớn cháy rừng rực giữa trời.” tác giả muốn miêu tả đặc điểm gì của cây gạo?

- a. có nhiều cành lá màu tươi đỏ
b. đang ra hoa với màu sắc rực rỡ
c. đang chuyển nhường màu sắc cho loài hoa khác

8 | Rise above oneself
and grasp the world

ĐỀ 03

Bài 1. Tìm các từ láy gợi tả âm thanh hoặc hình ảnh thích hợp để điền vào chỗ trống:

- hang sâu _____ – cười _____
– mưa rơi _____ – nói _____
– rộng _____ – dài _____

Bài 2. Xếp những từ ngữ sau vào nhóm thích hợp:

vui mừng, ăn cơm, đi đứng, san sẻ, hoa đào, ồn ào, uống nước, xe đạp, tia lửa,
học hành, ăn ở, tươi cười, rán bánh, đá bóng, bóng đá

- Từ ghép tổng hợp: _____
– Từ ghép phân loại: _____
– Từ láy: _____
– Kết hợp hai từ đơn: _____

Bài 3. Chuyển câu kể sau thành câu hỏi, câu cầu khiến và câu cảm thán:

“Chú rùa gắng sức tập chạy.”

Bài 4. Đọc đoạn trích sau rồi thực hiện yêu cầu:

(1) “Chích bông là một con chim bé xinh đẹp trong thế giới loài chim. (2) Hai chân chích bông xinh xinh, bằng hai chiếc tăm. (3) Hai chiếc cánh nhỏ xíu mà xoải nhanh vun vút. (4) Cặp mỏ chích bông bé tí tạo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại. (5) Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt. (6) Chích bông là bạn của trẻ em và là bạn của bà con nông dân.”

(Theo Tô Hoài)

- a. Đoạn trích có ____ câu kể “Ai là gì?”. Đó là câu: _____
b. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu (2), câu (4) và cho biết chúng thuộc kiểu câu kể nào.
(2) Hai chân chích bông xinh xinh, bằng hai chiếc tăm.
(4) Cặp mỏ chích bông bé tí tạo bằng hai mảnh vỏ trấu chấp lại.

Kiểu câu kể: _____

Bài 3. Đọc đoạn văn sau:

“Ánh nắng lên tới bờ cát, lướt qua những thân tre nghiêng nghiêng, vàng óng. Nắng đã chiếu sáng lò của biển. Xóm lưới cũng ngập trong nắng đó. Sứ nhìn những làn khói bay lên từ các mái nhà chen chúc của bà con làng biển. Sứ còn thấy rõ những vạt lưới đan bằng sợi ni lông óng vàng, phất phơ bên cạnh những vạt lưới đen ngăm, trù trù.”

(Trích “Quê hương” – Theo Anh Đức)

a. Gạch dưới các từ láy có trong đoạn văn.

b. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu sau: “Nắng đã chiếu sáng lò của biển.”

Bài 4. Đọc bài thơ sau:

Hôm nay trời nắng như nung
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em hóa đám mây
Em che cho mẹ cả ngày bóng râm.”

(“Bóng mây” – Theo Thanh Hào)

a. Bài thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

b. Em có cảm nhận gì về nhân vật bạn nhỏ trong bài thơ?

5. Cuộc chạy tiếp sức của các loài hoa trong thành phố được tác giả miêu tả theo trình tự nào là chủ yếu?

a. không gian

b. thời gian

c. thời gian kết hợp không gian

Bài 2. “Du khách” là người khách đi chơi xa. Đặt câu với từ đó.

Bài 3. Đặt câu với các từ: “làm ơn”, “giùm”, “giúp” để thể hiện cách nói phù hợp, lịch sự trong các tình huống sau:

a. Em nhắc bạn không nói chuyện riêng trong giờ học.

b. Em hỏi đường một người lớn tuổi.

c. Em mượn bạn quyển sách.

Bài 4. Lập dàn ý chi tiết cho bài văn tả con mèo.

TUẦN 30: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI

TẬP ĐỌC

"Hơn một nghìn ngày vòng quanh trái đất"

(Theo Trần Diệu Tấn và Đỗ Thái)

"Dòng sông mặc áo" (Theo Nguyễn Trọng Tạo)

CHÍNH TẢ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Phân biệt r/d/gi, v/d/gi

Mở rộng vốn từ: "Du lịch – Khám hiểm"

Câu cảm thán

I. Kiến thức

Câu cảm thán (câu cảm)

a. Khái niệm

Câu cảm là câu dùng để bộc lộ cảm xúc (vui mừng, thán phục, đau xót, ngạc nhiên, ...)
của người nói.

Ví dụ: "Ôi, hôm nay trời đẹp quá!"

b. Dấu hiệu nhận biết

– Từ ngữ: "ôi", "chao", "chà", "trời", "quá", "lắm", "thật" ...;

– Khi viết, cuối câu cảm thường có dấu chấm than.

Ví dụ: "Ồ, chiếc mũ này tuyệt đẹp!" (ngạc nhiên)

II. Bài tập

Mở rộng vốn từ: "Du lịch – Khám hiểm"

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước những từ ngữ chỉ địa điểm mà mọi người thường đến tham quan, du lịch:

- | | | |
|--------------|------------------|------------------------|
| a. bệnh viện | b. viện bảo tàng | c. lăng tẩm |
| d. nhà máy | e. phố cổ | f. công trường |
| g. biển | h. ruộng nương | i. khu di tích lịch sử |

Bài 2. Dòng nào nêu đúng nghĩa của cụm từ "danh lam thắng cảnh"?

- những cảnh đẹp của đất nước;
- những di tích lịch sử nổi tiếng;
- những di tích hoặc cảnh đẹp nổi tiếng nói chung;
- những nơi thu hút nhiều khách du lịch tới tham quan, ngắm cảnh.

ĐỀ 02

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

1. Từ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

- a. lác đác b. ngào ngạt c. li ti

2. Chỉ ra điểm chung của nhóm từ "thơm ngát", "mùi thơm", "cuồng hoa".

a. đều là danh từ

b. đều là tính từ

c. đều là từ ghép phân loại

3. Dòng nào sau đây chỉ gồm các từ láy?

a. ngào ngạt, lác đác, li ti, lũng lảng, khẳng khiu

b. quẩn rũ, lác đác, li ti, lũng lảng, khẳng khiu

c. ngào ngạt, lác đác, li ti, lũng lảng, khẳng khiu, đậm mê

4. Chọn vị ngữ phù hợp để hoàn chỉnh câu sau: "Bộ lông của chú gà trống _____."
theo kiểu câu kể "Ai thế nào?".

a. nhảy lên bờ giậu gáy o o...

b. gọi ông mặt trời lên cao

c. thật sắc sảo

5. Câu nào dưới đây không phải là câu kể "Ai là gì?"?

a. Chị gái tôi là một sinh viên ưu tú của Trường Đại học Hà Nội.

b. Mẹ đã hứa là cho tôi đi chơi vào cuối tuần.

c. Bác sĩ Ly là một người quả cảm.

Bài 2. Đặt câu theo yêu cầu sau:

a. Có từ "hạnh phúc" là tính từ

b. Có từ "hạnh phúc" là danh từ

Bài 4. Trong bài “Cô giáo lớp em”, nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh viết:

“Cô dạy em tập viết
Gió đưa thoảng hương nhài
Nắng ghé vào cửa lớp
Xem chúng em học bài.”

a. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra từ ngữ thể hiện biện pháp đó.

b. Biện pháp nghệ thuật đó giúp em cảm nhận được điều gì đẹp đẽ?

Bài 5. Viết đoạn văn khoảng 7 đến 9 câu tả một cây ăn quả hoặc cây rau.

Bài 3. Khoanh vào chữ cái trước thành ngữ, tục ngữ có nghĩa là: “chịu khó đi đây đi đó để học hỏi, con người mới sớm khôn ngoan, hiểu biết”:

- a. “Sai một li, đi một dặm.”
- b. “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.”
- c. “Đi guốc trong bụng.”

Bài 4. “Di tích lịch sử” có nghĩa là “dấu vết cũ còn để lại liên quan đến các sự kiện và nhân vật lịch sử đáng ghi nhớ”. Đặt câu với cụm từ “di tích lịch sử”.

Bài 5. Theo em, muốn thực hiện hoạt động thám hiểm, chúng ta cần có những đức tính nào? Đặt câu với một từ mà em tìm được.

Câu cảm thán

Bài 1. Khoanh vào chữ cái trước câu cảm thán:

- a. “Nam đang chơi đá bóng.”
- b. “Cuối tuần, cả nhà em đi du lịch.”
- c. “Chà, con mèo đẹp quá!”
- d. “Chú chó nhà em rất thông minh.”

Bài 2. Gạch dưới các từ thể hiện cảm xúc của người nói trong mỗi câu sau:

- a. “Ôi, em tôi ngã đau quá!”
- b. “Ồ, chị ấy đẹp quá!”
- c. “Khiếp, con chuột hôi thật!”

Bài 3. Các câu cảm thán sau đây bộc lộ cảm xúc gì?

- a. “A, mẹ đã về!”

- b. “Ôi, tôi mới đại dột làm sao! (Tôi đã không muốn giúp lừa dù chỉ chút ít, nên bây giờ phải mang nặng gấp đôi.)”

c. “Thôi chết, mình làm vỡ cái bình hoa yêu thích nhất của mẹ rồi!”

d. “Trời ơi, tội nghiệp đứa bé quá!”

e. “Ồi chào, chú chuẩn chuẩn nước mới đẹp làm sao!”

Bài 4. Đặt câu cảm thán:

a. có một trong các từ: “ôi”, “ồ”, “chà” đứng đầu câu;

b. có một trong các từ: “lắm”, “quá”, “thật” đứng cuối câu.

Bài 5. Chuyển các câu kể sau thành câu cảm thán:

a. “Cánh diều bay cao.”

b. “Gió thổi mạnh.”

c. “Em bé kháu khỉnh.”

d. “Mùa xuân về.”

Bài 6. Viết đoạn văn khoảng 6 câu kể lại ngày đầu tiên em đi học, trong đó có sử dụng câu cảm thán.

ĐỀ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

ĐỀ 01

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

a. mặt trắng, mặt trời, mặt đất, mặt mũi

b. mắt công, mắt lòng, mắt hỏn, mắt mát

c. xanh tươi, mơn mớn, vườn hoa, luống rau

Bài 2. Tìm những từ cùng nghĩa và trái nghĩa với từ “nhân hậu”. Tìm một thành ngữ hoặc tục ngữ nói về lòng yêu thương con người.

– Từ cùng nghĩa: _____ – Từ trái nghĩa: _____

– Thành ngữ, tục ngữ: _____

Bài 3. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Cây gạo làm việc bền bỉ đêm ngày, chuyên cần lấy từ đất, nước và ánh sáng nguồn sinh lực và sức trẻ vô tận. (2) Mùa đông, cây chỉ còn những cành trơ trụi, nom như cần cỗi. (3) Nhưng không, dòng nhựa trẻ đang rạo rục khắp thân cây. (4) Xuân đến, lập tức cây gạo già lại trở lộc nảy hoa, lại gọi chim chóc tới, cành cây đầy tiếng hót và màu đỏ thắm. (5) Đến ngày đến tháng, cây lại nhờ gió phân phát đi khắp chốn những múi bông trắng nuột nà.”

(Trích “Cây gạo” – Vũ Tú Nam)

a. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ của câu sau:

(2) “Mùa đông, cây chỉ còn những cành trơ trụi, nom như cần cỗi.”

(5) “Đến ngày đến tháng, cây lại nhờ gió phân phát đi khắp chốn những múi bông trắng nuột nà.”

b. Xác định các danh từ, động từ và tính từ có trong câu (2), (3) rồi điền vào bảng cho thích hợp.

Danh từ	Động từ	Tính từ
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____
_____	_____	_____

cánh, nghiêng cổ, chuẩn bị chu đáo, nhưng chỉ rặn ba tiếng “éc, e, e” cụt ngủn. Nó ngượng quá, đỏ chín mặt, hấp tấp nhảy xuống đất. Gà trong làng nổi gáy loạn xạ...”

(Trích “Con gà trống” – Võ Quảng)

a. Tìm các chi tiết miêu tả hình dáng và hoạt động của các con vật được miêu tả trong đoạn trích rồi điền vào bảng:

Đối tượng miêu tả	Chi tiết miêu tả	
	Hình dáng	Hoạt động
Con gà của anh Bốn Linh		
Con gà của ông Bảy Hóa		
Con gà của bà Kiên		

b. Qua các chi tiết miêu tả hoạt động, ta thấy điều gì về tính cách của mỗi con vật?

- Con gà của anh Bốn Linh: _____
- Con gà của ông Bảy Hóa: _____
- Con gà của bà Kiên: _____

c. Gạch dưới các từ ngữ thể hiện biện pháp nhân hóa trong đoạn trích.

PHIẾU CUỐI TUẦN 35

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Một cậu bé xuất hiện trước cửa hàng bán chó và hỏi người chủ cửa hàng: “Giá mỗi con chó là bao nhiêu vậy bác?”

Người chủ cửa hàng trả lời: “Khoảng từ 30 tới 50 đô la một con.”

Cậu bé rụt rè nói: “Cháu có thể xem chúng được không ạ?”

Người chủ cửa hàng mỉm cười rồi huýt sáo ra hiệu. Từ trong chiếc cũi, năm chú chó con bé xíu như năm cuộn len chạy ra, duy chỉ có một chú bị tụt lại sau khá xa. Ngay lập tức, cậu bé chú ý tới chú chó chậm chạp, hơi khập khiễng đó. Cậu liền hỏi: “Con chó này bị sao vậy bác?”

Ông chủ giải thích rằng nó bị tật ở khớp hông và nó sẽ bị khập khiễng suốt đời. Nghe thế, cậu bé tỏ ra xúc động: “Đó chính là con chó cháu muốn mua”.

Chủ cửa hàng nói: “Nếu cháu thực sự thích con chó đó, ta sẽ tặng cho cháu. Nhưng ta biết cháu sẽ không muốn mua nó đâu”.

Gương mặt cậu bé thoáng buồn, cậu nhìn thẳng vào mắt ông chủ cửa hàng và nói: “Cháu không muốn bác tặng nó cho cháu đâu. Con chó đó cũng có giá trị như những con chó khác mà. Cháu sẽ trả bác đúng giá. Thực ra ngay bây giờ cháu chỉ có thể trả bác 2 đô la 37 xu thôi. Sau đó, mỗi tháng cháu sẽ trả dần 50 xu được không ạ?”

– Bác bảo thật nhé, cháu không nên mua con chó đó! Nó không bao giờ có thể chạy nhảy và chơi đùa như những con chó khác được đâu. – Người chủ cửa hàng khuyên.

Ông vừa dứt lời, cậu bé liền cúi xuống vén ống quần lên, để lộ ra cái chân trái tật nguyên, cong vẹo được đỡ bằng một thanh kim loại. Cậu ngược nhìn ông chủ cửa hàng và khề bảo: “Chính cháu cũng chẳng chạy nhảy được mà, và chú chó con này sẽ cần một ai đó hiểu và chơi với nó.”

(Theo Dân Clát)

1. Cậu bé khách hàng chú ý đến chú chó con nào?

- a. Chú chó con lông trắng muốt.
- b. Chú chó con bé xíu như cuộn len.
- c. Chú chó con chậm chạp, hơi khập khiễng.

2. Vì sao cậu bé không muốn người bán hàng tặng con chó đó cho cậu?

- a. Vì con chó đó bị tật ở chân.
- b. Vì cậu cho rằng con chó đó cũng có giá trị như những con chó khác trong cửa hàng.
- c. Vì cậu không muốn mang ơn người bán hàng.

8. Chủ ngữ trong câu “Năm nào tôi cũng chọn lấy mấy cái lá thật đẹp về phủ một lớp dầu mỏng, bày lên bàn viết.” là:

- a. năm nào tôi cũng chọn lấy mấy cái lá
- b. năm nào tôi
- c. tôi

Bài 2. Gạch dưới thành phần trạng ngữ trong những câu sau và cho biết trạng ngữ đó thuộc loại nào:

a. “Bằng tất cả sự cố gắng, anh ấy đã chiến thắng căn bệnh hiểm nghèo.”

b. “Trong vòm lá, phượng đã bắt đầu thấp lửa.”

c. “Vì không mang áo mưa, Lan bị cảm.”

d. “Bằng giọng âu yếm, gà mẹ “tục tục” gọi đàn con.”

e. “Vì một thế giới tốt đẹp hơn, chúng ta cùng cố gắng làm việc.”

Bài 3. Đọc đoạn trích trong “Đường đi Sa Pa” của Nguyễn Phan Hách:

“Hôm sau, chúng tôi đi Sa Pa. Phong cảnh ở đây thật đẹp. Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh, một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hây nồng nức với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý.”

Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa trong đoạn trích trên.

PHIẾU CUỐI TUẦN 30

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

“Trong năm 2017, Sa Pa là một trong những điểm du lịch trong nước và quốc tế đặc biệt yêu thích. Nơi đây sở hữu những dãy núi hùng vĩ hay ruộng lúa bậc thang uốn lượn hút tầm mắt. Đặc biệt nhất trong đó là đỉnh Fansipan với độ cao 3143m và được mệnh danh là “Nóc nhà Đông Dương”. Đỉnh Fansipan thuộc dãy núi Hoàng Liên Sơn, nằm cách trung tâm thị trấn Sa Pa chừng 5km.

Fansipan theo tiếng địa phương có nghĩa là “phiến đá khổng lồ chênh vênh”. Trước đây, để chạm tay vào nóc nhà Fansipan, du khách phải có sự can đảm, ý chí và quan trọng nhất là một thể trạng sức khỏe tốt. Bởi điều đó đồng nghĩa với việc du khách sẽ phải băng qua những cánh rừng, vượt qua những con suối với thời gian tối thiểu để chinh phục là những bốn đến năm ngày (tùy thể trạng sức khỏe và tốc độ).

Thế nhưng giờ đây việc chinh phục đã trở nên đơn giản hơn rất nhiều nhờ hệ thống cáp treo nối tuyến thẳng chỉ mất 15 phút di chuyển nên đây càng được xem là điểm đến yêu thích nhất của năm 2017. Fansipan phù hợp cho những du khách đi du lịch một mình, du lịch cặp đôi, du lịch cùng gia đình,... theo hướng trải nghiệm và khám phá.”

(Theo “Văn hóa, phong tục Việt Nam”)

1. Đỉnh Fansipan nằm ở đâu?

- a. nằm cách trung tâm xã Bản Khoang chừng 5km
- b. nằm cách trung tâm xã Tả Phìn 5km
- c. nằm cách trung tâm thị trấn Sa Pa chừng 5km

2. Đỉnh Fansipan có độ cao bao nhiêu mét?

- a. 3142m
- b. 3143m
- c. 3144m

3. Đỉnh Fansipan thuộc dãy núi nào?

- a. dãy núi Hoàng Liên Sơn
- b. dãy núi Hoàng Sơn
- c. dãy núi Trường Sơn

4. Theo tiếng địa phương Fansipan có nghĩa là gì?

- a. những thửa ruộng bậc thang
- b. phiến đá khổng lồ chênh vênh
- c. nóc nhà Đông Dương

A	B
1. thám báo	a. thăm dò bầu trời
2. thám không	b. gián điệp dò la và truyền tin
3. thám thính	c. thăm dò, khảo sát những nơi xa lạ, khó khăn, có thể nguy hiểm
4. thám hiểm	d. dò xét, nghe ngóng tình hình

This image shows a single sheet of white paper with horizontal blue or grey ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are approximately 20 lines visible. The paper appears to be a standard notebook page.

Bài 1. Đọc đoạn văn sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Có những cây mùa nào cũng đẹp như cây bàng. Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Khi lá bàng ngả sang màu vàng đục ấy là mùa thu. Sang đến những ngày cuối đông, mùa lá bàng rụng, nó lại có vẻ đẹp riêng. Những lá bàng mùa đông đỏ như đồng hun ấy, sự biến đổi kì ảo trong “gam” đỏ của nó, tôi có thể nhìn cả ngày không chán. Năm nào tôi cũng chọn lấy mấy cái lá thật đẹp về phủ một lớp dầu mỏng, bày lên bàn viết.”

(Theo Đoàn Giới)

1. Đoạn văn miêu tả loài cây nào?

- a. cây bàng b. cây phượng c. cây sấu

2. Tác giả chủ yếu miêu tả bộ phận nào của cây?

- a. thân b. lá c. cành

3. Đoạn văn miêu tả cây vào mùa nào trong năm?

- a. mùa xuân, mùa hè, mùa thu, mùa đông
b. mùa đông, mùa hè, mùa xuân
c. mùa thu, mùa đông, mùa hè

4. Lá bàng vào mùa đông có màu gì?

- a. màu ngọc bích b. màu vàng đục c. màu đỏ

5. Từ khác loại trong nhóm "ngon lửa", "ánh sáng", "vẻ đẹp", "kì ảo" là:

- [illegible]

6. Trạng ngữ trong câu “Sang đến những ngày cuối đông, mùa lá bàng rụng, nó lại có vẻ đẹp riêng.” bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

- a. nơi chốn b. thời gian c. phương tiện

7. Xét theo mục đích nói, câu “Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh.” thuộc kiểu câu nào?

- a. câu hỏi b. câu kể c. câu cầu khiến

Bài 3. Xác định trạng ngữ (nếu có), chủ ngữ và vị ngữ của những câu sau:

- "Một con cò trắng đang bay chậm chậm bên chân trời."
- "Từ khi có cây thuốc quý, Cuội cứu sống được rất nhiều người."
- "Hôm nay Chủ nhật rảnh rỗi, bé rủ anh Tí ra hồ sen chơi."
- "Con chim gáy hiền lành, béo nục."

Bài 4. Sử dụng biện pháp so sánh để diễn đạt lại các câu sau:

- "Cây đa vẫn đứng sừng sững ở đầu làng qua năm tháng."

- "Chú gà trống gáy đánh thức mọi người dậy."

- "Cánh đồng trải dài bát ngát."

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau của Trần Đăng Khoa rồi thực hiện yêu cầu:

"Trăng ơi... từ đâu đến?

Hay từ một sân chơi

Trăng bay như quả bóng

Bạn nào đá lên trời."

- Đoạn thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- Trình bày cảm nhận của em về hình ảnh trăng qua đoạn thơ trên.

TUẦN 31: KHÁM PHÁ THẾ GIỚI

TẬP ĐỌC

"Ăng-co Vát" (Theo Những kì quan thế giới)

"Con chuồn chuồn nước" (Theo Nguyễn Thế Hội)

CHÍNH TẢ

Phân biệt l/n, dấu hỏi/dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Thêm trạng ngữ cho câu

Trạng ngữ chỉ nơi chốn

I. Kiến thức

1. Thêm trạng ngữ cho câu

a. - Khái niệm

- Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích... của sự việc nêu trong câu;

- Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: "Khi nào?", "Ở đâu?", "Vì sao?", "Để làm gì?"...

Ví dụ: "Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng."

Trong ví dụ trên, trạng ngữ "Những đêm trăng sáng":

+ Bổ sung ý nghĩa về thời gian cho câu.

+ Trả lời cho câu hỏi "Khi nào dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng?"

b. Các loại trạng ngữ

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn

- Trạng ngữ chỉ thời gian

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

- Trạng ngữ chỉ mục đích

- Trạng ngữ chỉ phương tiện, cách thức

2. Trạng ngữ chỉ nơi chốn

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn làm rõ nơi diễn ra sự việc được nêu trong câu;

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi: "Ở đâu?"

Ví dụ: "Từ căn gác nhỏ của mình, Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thủ đô." (Theo Tô Ngọc Hiến)

Trong ví dụ trên, trạng ngữ "Từ căn gác nhỏ của mình":

+ Bổ sung ý nghĩa nơi chốn cho câu;

+ Trả lời câu hỏi "Ở đâu Hải có thể nghe tất cả các âm thanh náo nhiệt, ồn ã của thủ đô?"

Bài 1. Thêm trạng ngữ thích hợp vào mỗi câu sau:

- Bài 2.** Thêm từ ngữ thích hợp để tạo các câu văn hoàn chỉnh:

- Bài 3.** Gạch dưới trạng ngữ trong các câu và cho biết trạng ngữ đó trả lời cho câu hỏi nào:

- Bài 4.** Gạch dưới trạng ngữ chỉ nơi chốn trong các câu sau:

- a. “Trên những ngọn cây già nua, những chiếc lá vàng cuối cùng còn sót lại đang khua lao xao trước khi từ già thân mẹ đơn sơ.”
- b. “Ở dưới đất, Gấu ta nhìn thấy trăng, bèn nghĩ đó là cái bánh đa lớn mà Cuội đã đem đi ngày ấy.”
- c. “Trên đồng ruộng, trong nhà máy, trên lớp học hay trong bệnh viện, rất nhiều trí thức đang lao động hăng say với công việc của mình.”
- d. “Dưới cầu, nước chảy trong veo
Bên cầu, tơ liễu, bóng chiều thướt tha.”

Bài 1. Viết lại những tên riêng sau cho đúng quy tắc viết hoa:

phần cát tở ô _____

Bài 2. Đọc đoạn trích rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng và thực hiện yêu cầu:

"Từ lần gặp bà cụ, Ê-đi-xơn miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công.

Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé. Ê-đi-xơn mời bà cụ dạo nọ đi chuyển đầu tiên. Đến ga, ông bảo:

– Tôi giữ đúng lời hứa với cu rồi nhé!

Bà cu cười móm mém:

– Cảm ơn ông. Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với chiếc xe này rồi!”

(Theo Truyền đọc 3, 1995)

1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- a. đi, cười, gặp, dài;
b. xe điện, bà cụ, lời hứa, miệt mài;

2. Gạch dưới các động từ trong câu "Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé."

3. Câu "Từ lần gặp bà cụ, Ê-đi-xơn miệt mài với công việc chế tạo xe điện và đã thành công." có mấy danh từ?

- a. 4 danh từ b. 5 danh từ c. 6 danh từ

4. Từ "già" trong câu "Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với chiếc xe này rồi!" là:

- [illegible]

5. Bộ phận trạng ngữ của câu "Hôm chạy thử xe điện, người ta xếp hàng dài để mua vé." bổ sung ý nghĩa gì cho câu?

- a. nơi chốn b. phương tiện c. thời gian

6. Chủ ngữ trong câu "Tôi giữ đúng lời hứa với cu rỗi nhé!" là:

- a. tôi giữ đúng lời hứa b. tôi c. lời hứa

– Những con bê cái: _____

b. Để miêu tả đàn bê, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra từ ngữ thể hiện các biện pháp đó.

c. Từ đoạn trích trên, viết đoạn văn khoảng 6 đến 8 câu tả hoạt động của một con vật mà em yêu quý.

Bài 5. Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn thích hợp cho mỗi câu sau:

- _____, những bóng hồng nở đỏ rực.
- _____, lá cờ bay phấp phới.
- _____, các bạn nam đang chơi đá cầu.
- _____, những chiếc thuyền nhanh chóng ra khơi.
- _____, chim hót véo von.

Bài 6. Gạch dưới trạng ngữ trong các câu và cho biết trạng ngữ đó trả lời cho câu hỏi nào:

a. “Khi thấy bóng thằng Nghi xuất hiện từ xa, tôi bước ra định ngăn nó lại giữa đường.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

b. “Vi hoàn cảnh gia đình, chú bé phải làm việc kiếm tiền phụ giúp gia đình.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

c. “Tối hôm qua, trước khi đi ngủ, Thơ nghe thấy cô Trăng thì thầm với Thơ như thế.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

d. “Dưới ánh trăng mờ nhạt từ khung cửa sổ hắt ra, người đó nhìn thấy đặng cuối vườn, cây hoàng lan đầu tiên nở hoa.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia

Luyện tập miêu tả các bộ phận của con vật và xây dựng

đoạn văn miêu tả con vật

Bài 1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

"Trống choai có bộ lông vàng mượt như nhung. Dưới ánh mặt trời bộ lông ấy lấp lánh trông thật đẹp mắt. Đầu chú hình hột xoài, trên đầu nổi rõ một cái mào đỏ thắm. Mắt chú nhỏ như hai hạt đỗ đen. Mỏ chú cứng. Đuôi của chú vòng ra phía sau trông rất giống cây chổi nhỏ. Chân chú có móng sắc và đôi cựa to khỏe. Đôi khi nghịch ngợm chú hay trêu đùa mấy chị mái tơ hay đá nhau với mấy chú gà hàng xóm."

a. Đoạn văn miêu tả con vật nào? _____

b. Chỉ ra các bộ phận của con vật được miêu tả và từ ngữ miêu tả từng bộ phận đó.

Bài 2. Viết tên các bộ phận của con mèo vào bảng cho phù hợp với đặc điểm miêu tả:

Bộ phận	Đặc điểm
	màu xám như tro bếp, mượt như nhung.
	tròn tròn như quả cam sành.
	như hai hình tam giác nhỏ luôn vểnh lên, rất thính.
	tròn như hạt nhãn, long lanh có nước.
	ngắn chùn với những chiếc móng sắc nhọn.

Bài 6. Đặt câu theo yêu cầu:

a. Có trạng ngữ chỉ thời gian, theo mẫu "Ai thế nào?":

b. Có trạng ngữ chỉ phương tiện, theo mẫu "Ai làm gì?":

c. Có trạng ngữ chỉ nơi chốn, theo mẫu "Ai thế nào?":

d. Có trạng ngữ chỉ mục đích, theo mẫu "Ai làm gì?":

e. Có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, theo mẫu "Ai làm gì?":

Bài 7. Đọc đoạn trích dưới đây của Phụng Vũ:

"Đã sang tháng ba, đồng cỏ Ba Vi vẫn giữ nguyên vẻ đẹp như hồi đầu xuân. Không khí trong lành và rất ngọt ngào. Bầu trời cao vút, trập trùng những đám mây trắng..."

Hồ Giáo đứng đã lâu trên đồng cỏ. Đàn bê ăn quanh quẩn ở bên anh.

Giống như những đứa trẻ quần quýt bên mẹ, đàn bê cứ quần vào chân Hồ Giáo. Chúng vừa ăn vừa đùa nghịch. Những con bê đực, y hệt những bé trai khỏe mạnh, chốc chốc lại ngừng ăn, nhảy quăng lên rồi chạy đuổi nhau thành một vòng tròn xung quanh anh... Những con bê cái thì khác hẳn. Chúng rụt rè chẳng khác nào những bé gái được bà chiều chuộng, chăm bẵm, không dám cho chạy đi chơi xa... Chúng ăn nhỏ nhẹ, từ tốn. Thỉnh thoảng, một con, chừng như nhớ mẹ, chạy lại chỗ Hồ Giáo, dụi mõm vào người anh nũng nịu. Có con còn sấn vào lòng anh, quơ quơ đôi chân lên như là đòi bế."

a. Tìm trong đoạn trích các chi tiết miêu tả hoạt động của những con bê đực và bê cái.

– Những con bê đực: _____

Bài 3. Nối cột A với cột B cho thích hợp để tạo thành câu hoàn chỉnh:

A
Nhờ chăm chỉ,
Để có sức khỏe tốt,
Vì đánh răng hằng ngày,
Buổi sáng,
Bằng lời lẽ mềm mỏng,

B
Mình có hàm răng rất khỏe và đẹp.
bác Cường đã thuyết phục được Tuấn.
không khí thật trong lành.
chúng ta nên tập thể dục thường xuyên.
kết quả học tập của Lan rất tốt.

Bài 4. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ thích hợp ở cột B:

A
Ô tô, xe máy, xe đạp,... đủ các loại phương tiện
Phố phường
Những đám mây trắng
Bầy chim non

B
hót ríu rít đón chào ngày mới tươi vui.
nhẹ trôi bồng bênh theo gió.
đi lại nườm nượp như mắc cửi.
được trang trí rực rỡ đèn hoa.

Bài 5. Điền vào chỗ trống câu hoàn chỉnh trong **Bài 4** sao cho thích hợp với các trạng ngữ dưới đây:

- Trên bầu trời bao la, _____
- Sáng sớm tinh mơ, trong vòm lá, _____
- Chiều tối, trên con phố trước cửa nhà em, _____
- Nhân dịp kỉ niệm 60 năm ngày giải phóng Thủ đô, _____

PHIẾU CUỐI TUẦN 31

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Chuyện xảy ra vào nhiều năm trước, chú Hồ Khanh lúc này đang đi khám phá rừng thuộc vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Khi đang tìm kiếm thức ăn, ông lạc đến một cửa hang rộng lớn. Để ý kĩ ông Khanh thấy đỉnh hang còn có sương mây tích tụ, lắng nghe phía sâu trong hang có tiếng nước chảy thành dòng. Nhưng vì đã trễ, chú đành quay đầu tìm đường về, và không thể tìm lại vị trí chính xác của hang động khổng lồ này nữa.

Không lâu sau, trong một chuyến khảo sát của viện nghiên cứu hang động Anh Quốc (British Cave Research Association), hai nhà thám hiểm kì cựu Howard và Deb Limbert tình cờ nghe qua câu chuyện của chú Hồ Khanh kể về hang động kì bí mình từng bắt gặp. Không chần chừ, hai chuyên gia này ngay lập tức tỏ ý muốn chú Hồ Khanh giúp tìm ra nơi này.

Cuộc tìm kiếm kéo dài nhiều năm, qua nhiều thất bại và thậm chí có lúc tưởng chừng như phải dừng lại. Khi mọi hy vọng gần như đã tan biến, cũng lại vào một chuyến đi săn, chú Hồ Khanh vô tình tìm được cửa hang khổng lồ ngày ấy. Năm 2009, Howard trở lại Việt Nam, bắt đầu chuyến khai phá cái hang khổng lồ mà không hề biết rằng đây là hệ thống hang động lớn nhất thế giới. Họ đặt tên hang là Sơn Đoòng – “hang của núi và sông”.

(“Câu chuyện về Sơn Đoòng” – Thám hiểm thế giới bị mất)

1. Chú Hồ Khanh đi khám phá khu rừng thuộc vườn quốc gia nào?

- vườn quốc gia Cúc Phương – Ninh Bình
- vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng
- vườn quốc gia Ba Vì

2. Ông Khanh thấy điều gì khi lạc đến một cửa hang rộng lớn?

- Đỉnh hang có sương mây tích tụ, lắng nghe phía sâu trong hang có tiếng nước chảy thành dòng.
- Đỉnh hang có sương mây tích tụ, lắng nghe phía sâu trong hang có tiếng chim hót.
- Đỉnh hang có sương mây tích tụ, lắng nghe phía sâu trong hang có tiếng lá cây xào xạc.

3. Ban đầu, cuộc tìm kiếm hang động của hai nhà thám hiểm và chú Hồ Khanh diễn ra như thế nào?

- Họ đã tìm được hang động sau một năm tìm kiếm vất vả.
- Họ dễ dàng tìm thấy hang động và bắt đầu khám phá nó.
- Họ tìm kiếm nhiều năm, qua nhiều thất bại và thậm chí có lúc tưởng chừng như phải dừng lại.

4. Chú Hồ Khanh đã tìm lại được cửa hang khổng lồ ấy khi nào?

- một lần đi tìm kiếm thức ăn
- một chuyến đi săn
- một lần đi đón củi

5. Họ đã đặt tên cho hang khổng lồ ấy là gì?

- Sơn Đông – “hang của núi và sông”
- Sơn Đoòng – “hang của núi và sông”
- Phong Nha – “hang của núi và sông”

Bài 2. Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn thích hợp để hoàn chỉnh các câu sau:

- _____, những bông hồng nhung dập dờn trước gió.
- _____, chim hót líu lo tạo thành một bản nhạc vui tươi.
- _____, những con sóng nhẹ nhàng liếm lên bãi cát, bọt sóng màu buri đào.

Bài 3. Viết đoạn văn khoảng 6 câu miêu tả bộ lông của chú gà trống.

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 6)

Bài 1. Gạch dưới trạng ngữ trong các câu sau và cho biết trạng ngữ đó trả lời cho câu hỏi nào:

- “Mọi hôm mẹ thích vui chơi
Hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

- “Vi muốn dành cho Lan một sự bất ngờ, Hân không hề tiết lộ kế hoạch.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

- “Ở Bắc Cực, hầu hết các con vật đều có bộ lông trắng: chim ưng trắng, cú trắng, thỏ trắng, đến gấu cũng trắng nốt.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

- “Nhờ Thần Đèn Tối chỉ đường, bà vượt qua bao nhiêu khó khăn, hi sinh cả đôi mắt của mình để giành lại đứa con đã mất.”

Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi: _____

Bài 2. Viết câu trả lời cho các câu hỏi dưới đây:

- “Ở đâu hoa phượng nở đỏ rực?”

- “Bao giờ cây bàng trụi hết lá?”

- “Vì sao Lan được bầu làm lớp trưởng?”

- “Hôm nay cả lớp trang trí phòng học để làm gì?”

4. Bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai (cái gì/con gì)?” trong câu “Vào một ngày mưa, hai anh em cậu bé Tí hon nhìn thấy cầu vồng.” là:

- a. hai anh em cậu bé Tí hon
- b. cậu bé Tí hon
- c. vào một ngày mưa, hai anh em cậu bé Tí hon

5. Em có suy nghĩ gì về hai anh em nhà Tí hon?

- a. vô tư, ảo tưởng
- b. lạc quan, yêu đời, biết quan tâm lẫn nhau
- c. dũng cảm, thích mạo hiểm

Bài 2. Sắp xếp các từ sau vào cột thích hợp:

vui chơi, vui lòng, vui mừng, vui nhộn, vui sướng, vui thích, vui tính,

vui tươi, vui vẻ, vui vui

Từ ghép tổng hợp	Từ ghép phân loại	Từ láy
_____	_____	_____
_____	_____	_____

Bài 3. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu hoàn chỉnh:

- a. Bằng giọng nói dịu dàng, _____
- b. Bằng cách nói khéo léo, _____
- c. Bằng cách quan sát tỉ mỉ thể giới loài vật, _____
- d. Bằng những điệu múa khá điêu luyện, những giọng hát mượt mà trong trẻo, _____

LUYỆN TẬP CHUNG (SỐ 5)

Bài 1. Đọc đoạn văn sau:

“(1) Nổi bật trên hoa văn trống đồng là hình ảnh con người hòa với thiên nhiên. (2) Con người lao động, đánh cá, săn bắn. (3) Con người đánh trống, thổi kèn. (4) Con người cầm vũ khí bảo vệ quê hương và tung bừng nhảy múa mừng chiến công hay cảm tạ thần linh,... (5) Đó là con người thuần hậu, hiền hòa, mang tính nhân bản sâu sắc.”

(Theo Nguyễn Văn Huyền)

- a. Tìm các câu kể “Ai là gì?” trong đoạn văn trên và nêu tác dụng.

- b. Gạch dưới chủ ngữ trong các câu kể “Ai là gì?” em vừa tìm được.

Bài 2. Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành câu kể “Ai là gì?”:

- a. Hồ Gươm _____
- b. _____ là loài cây em yêu thích nhất.
- c. Trường em _____

Bài 3. Chuyển những câu kể sau thành câu cầu khiến, câu cảm thán:

- a. “Mai quét nhà.”

Câu cầu khiến: _____

Câu cảm thán: _____

- b. “Chú chim bay cao.”

Câu cầu khiến: _____

Câu cảm thán: _____

- c. “Chú mèo nằm sưởi nắng giữa sân.”

Câu cầu khiến: _____

Câu cảm thán: _____

Bài 4. Đặt câu cảm thán bộc lộ cảm xúc của em trong mỗi trường hợp sau:

a. Khi em xem một bộ phim hay;

b. Khi em nhìn thấy một cảnh đẹp;

c. Em vui mừng vì đạt được điểm cao trong kì thi.

Bài 5. Gạch dưới các trạng ngữ chỉ nơi chốn trong đoạn văn sau:

“Ngoài đường, lửa khói mịt mù. Điều đó rất có lợi cho Ga-vrốt. Dưới màn khói và với thân mình bé nhỏ, cậu bé có thể tiến ra xa ngoài đường mà không ai trông thấy. Ga-vrốt dốc bẫy, tám bao đạn đầu tiên không có gì nguy hiểm lắm. Em nằm xuống rồi lại đứng thẳng lên, ẩn vào một góc cửa, rồi lại phốc ra, tới, lui, dốc cạn các bao đạn và chất đầy giỏ.”

(Theo Huy-gô)

Bài 6. Thêm các trạng ngữ chỉ nơi chốn để hoàn chỉnh những câu sau:

a. _____, Nam luôn được thầy cô, bạn bè yêu mến.

b. _____, những rặng phi lao rì rào trong gió.

c. _____, những ngôi sao sáng lấp lánh.

d. _____, học sinh chơi đùa vui vẻ.

Bài 7. Sắp xếp những câu sau để tạo thành một đoạn văn hoàn chỉnh:

(1) Nó có bộ lông màu vàng óng.

(2) Con ngan nhỏ mới nở được ba hôm trông chỉ to hơn cái trứng một tí.

(3) Nhưng đẹp nhất là đôi mắt với cái mỏ.

(4) Đôi mắt chỉ bằng hạt cườm, đen nhánh hạt huyền, lúc nào cũng long lanh đưa đi đưa lại như có nước, làm hoạt động hai con người bóng mờ.

(5) Một màu vàng đáng yêu như màu của những con tơ non mới gugg.

(6) Cặp mỏ màu vàng, sắc nhọn, lúc nào cũng trong tư thế sẵn sàng kiếm mồi và tự vệ.

Sắp xếp: _____

PHIẾU CUỐI TUẦN 34

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

“Vào một ngày mưa, hai anh em cậu bé Tí hon nhìn thấy cầu vồng. Anh reo lên:

– Ôi, đẹp quá! Em xem kia, cầu vồng!

Cô bé thì thầm:

– Em nghe nói ở chân cầu vồng có hũ vàng đấy.

– Vậy tạnh mưa anh em mình sẽ đi lấy về nhé! – Cậu anh nói.

Cô bé khe khẽ:

– Nếu đào được vàng, em sẽ mua nhiều búp bê và quần áo đẹp.

– Còn anh sẽ mua con ngựa hồng và một cái ô tô. – Anh đáp.

Đột nhiên cầu vồng biến mất. Anh bảo em:

– Em ơi, ở đây không có vàng đâu! Chỉ có bảy hũ màu thôi.

Ôi, em thích màu hơn, em sẽ vẽ tặng anh con ngựa hồng và nhiều cái ô tô! – Cô bé reo.

– Còn anh sẽ vẽ tặng em nhiều búp bê và quần áo đẹp. Màu xanh dương, màu xanh lam, màu xanh lá, màu vàng, màu cam, màu đỏ, màu tím, màu nào cũng đẹp.

Không cần hũ vàng, dưới chân cầu vồng, hai anh em nhà Tí hon cũng có được niềm mơ ước.

(Trích “Điều mơ ước” – Suu tâm)

1. Hai anh em nhà Tí hon nhìn thấy cầu vồng khi nào?

a. vào một ngày nắng đẹp b. vào một ngày mưa c. sau cơn bão

2. Dưới chân cầu vồng, cô bé Tí hon mơ ước điều gì?

a. mua con ngựa hồng và một cái ô tô nếu đào được vàng

b. đào được một hũ vàng

c. mua nhiều búp bê và quần áo đẹp nếu đào được vàng

3. Cuối cùng, nhờ đâu hai anh em nhà Tí hon đã thực hiện được ước mơ?

a. nhờ có bảy hũ màu

b. nhờ có một hũ vàng

c. cả hai thứ trên

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vùn quanh trên các ngọn tre. Rồi từng đàn sà xuống những thửa ruộng vừa gặt. Con mái xuống trước, cái đuôi lái lượn xòe như múa. Con đực còn nán lại trong bờ tre, cất tiếng gáy thêm một thời dài. Xong rồi anh chàng mới thùng thình bước ra, ưỡn cái ngực đầy cườm biếc lượn nhẹ theo.

Chim gáy nhặt thóc rụng. Chim gáy tha thẩn, cặm cùi sau người đi mót lúa.

Tôi thích chim gáy. Con chim quý phúc hậu và chăm chỉ, con chim gáy mơ màng, con chim no ấm của mùa gặt hái tháng mười...”

(Trích “Chim cu gáy” – Tô Hoài)

a. Ghi lại các chi tiết miêu tả hình dáng của con chim cu gáy.

b. Gạch dưới các chi tiết miêu tả hoạt động của chim cu gáy.

c. Tình cảm của tác giả đối với loài chim gáy được thể hiện qua câu văn nào? Vì sao tác giả dành cho loài chim này nhiều thiện cảm như vậy?

Bài 3. Đặt câu có chứa trạng ngữ chỉ phương tiện:

a. bắt đầu bằng từ “bằng”;

b. bắt đầu bằng từ “với”.

Bài 4. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để có câu hoàn chỉnh tả các con vật:

a. Khi gặp nguy hiểm, bằng đôi cánh dang rộng, _____

b. Với cặp mắt tinh, đôi tai thính và những động tác nhanh như chớp, _____

c. Với bản tính háu ăn, chỉ một loáng, _____

d. Bằng một cử chỉ dịu dàng, _____

Bài tập mở rộng vốn từ: “Lạc quan – Yêu đời”

Bài 1. Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa của từ “yêu đời”?

- a. Quý trọng và yêu mến một người nào đó;
- b. Luôn lạc quan, vui vẻ, tin tưởng vào cuộc sống;
- c. Cảm thấy hết sức thân thiết và gần gũi;
- d. Chỉ vẽ đẹp thu hút, mềm mại.

Bài 2. Tìm hai từ láy và hai từ ghép có tiếng “vui”:

a. Từ láy: _____

b. Từ ghép: _____

TUẦN 34: TÌNH YÊU CUỘC SỐNG

TẬP ĐỌC

“Tiếng cười là liều thuốc bổ”

(Theo báo Giáo dục và Thời đại)

“Ăn mầm đá” (Truyện dân gian Việt Nam)

CHÍNH TẢ

Phân biệt r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ: “Lạc quan – Yêu đời”

Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu

I. Kiến thức

– Trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung ý nghĩa về phương tiện để thực hiện hành động được nói đến trong câu;

– Trạng ngữ chỉ phương tiện trả lời cho các câu hỏi: “Bằng cái gì?”, “Với cái gì?”...

Ví dụ: “Bằng đôi cánh to rộng, chị Gà Mái che chở cho đàn con.”

Trạng ngữ “Bằng đôi cánh to rộng”:

+ Bổ sung ý nghĩa chỉ phương tiện của hành động được nói đến trong câu.

+ Trả lời câu hỏi “Chị Gà Mái che chở cho đàn con bằng cái gì?”.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới trạng ngữ chỉ phương tiện trong các câu sau:

- “Bằng giọng hát ru ngọt ngào của bà, cu Tí đã ngủ ngon lành.”
- “Với sự thông minh và khôn khéo, Trạng Quỳnh đã cho chúa Trịnh một bài học.”
- “Với những động tác thuần thục, Ong Xanh đã khuất phục được chú Dế bướng bỉnh.”

Bài 2. Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện vào những câu sau:

- _____, cô giáo khuyên chúng em học tập chăm chỉ, vâng lời bố mẹ, thầy cô.
- _____, ông ấy đã hoàn thành xong tác phẩm điêu khắc tuyệt đẹp của mình.
- _____, chú chó đã giúp ông chủ vượt qua nguy hiểm.

ĐỀ LUYỆN

Bài 1. Gạch dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại:

- nhanh nhẹn, xanh mướt, đỏ chót, cao vút
- buồn, vui, khóc, mệt
- luyện tập, sợ hãi, đi đứng, chơi đùa

Bài 2. Đoạn trích sau có 3 câu. Điền dấu chấm, dấu phẩy vào chỗ thích hợp và viết hoa đầu câu:

vào những ngày cuối xuân đầu hạ khi nhiều loài cây đã khoe màu áo mới thì cây sấu mới bắt đầu chuyển mình thay lá đi dưới rừng sấu ta sẽ gặp những chiếc lá nghịch ngợm nó quay tròn trước mặt đậu lên đầu lên vai ta rồi mới bay đi

Bài 3. Cho từ “dũng cảm”:

- Tìm một từ trái nghĩa và hai từ cùng nghĩa với từ trên.

– Từ trái nghĩa: _____

– Từ cùng nghĩa: _____

- Đặt một câu có từ “dũng cảm” và xác định kiểu câu kể mà em vừa đặt.

Bài 4. Đọc đoạn văn sau của Vũ Tú Nam rồi thực hiện yêu cầu:

“(1) Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. (2) Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. (3) Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. (4) Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. (5) Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. (6) Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. (7) Chúng gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được.”

- Sắp xếp các từ được gạch dưới vào nhóm thích hợp:

- Từ láy: _____

- Từ ghép tổng hợp: _____

- Từ ghép phân loại: _____

b. Xác định chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ (nếu có) trong các câu văn sau:

“Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ.”

“Chào mào, sáo sậu, sáo đen... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống.”

c. Xác định kiểu câu kể của mỗi câu trong đoạn văn:

Câu	Kiểu câu kể	Câu	Kiểu câu kể
(1)		(5)	
(2)		(6)	
(3)		(7)	
(4)			

Bài 5. Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu:

“Sáng ra thơm đến ngấn ngơ
 Dòng sông đã mặc bao giờ áo hoa
 Ngược lên bông gập la đà
 Ngàn hoa bưởi trắng nở nhòa áo ai...”

(Trích “Dòng sông mặc áo” – Nguyễn Trọng Tạo)

a. Đoạn thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? _____

b. Trình bày cảm nhận của em về hình ảnh dòng sông qua đoạn thơ trên.

Bài 6. Viết đoạn văn khoảng 6 câu tả hoạt động của một con vật mà em yêu quý.

4. Câu chuyện kết thúc như thế nào?

a. Mọi người cãi nhau, cuộc sống vui vẻ không còn.

b. Cả làng quên nhanh chuyện cũ, lại sống vui vẻ.

c. Người đàn ông ích kỉ, dối trá bị cả làng ghét bỏ.

5. Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì?

Bài 2. Thêm trạng ngữ chỉ mục đích phù hợp vào mỗi câu dưới đây:

a. _____, trường em thường tổ chức đi tham quan.

b. _____, em cần chăm tập thể dục.

c. _____, trường em thường xuyên tổ chức trồng cây, làm vệ sinh đường phố.

Bài 3. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu hoàn chỉnh:

a. Để nhà cửa luôn sạch sẽ, _____

b. Vì cuộc sống ấm no của các gia đình nghèo, _____

c. Để đạt được kết quả tốt, _____

Bài 4. Trong bài “Con chim chiến chiến”, nhà thơ Huy Cận viết:

“Chim bay, chim sà	Bay cao, cao vút
Lúa tròn bụng sữa	Chim biến mất rồi
Đồng quê chan chứa	Chỉ còn tiếng hót
Những lời chim ca	Làm xanh da trời...”

Em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của đồng quê Việt Nam và tiếng hót của chim chiến chiến qua hai khổ thơ trên?

PHIẾU CUỐI TUẦN 33

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Ngày xưa, ở một làng nọ có tục lệ: Vào ngày đầu tiên của tháng, mỗi nhà trong làng đều trân trọng đem một bình rượu, đổ vào cái thùng to như cái trống được đặt ở giữa làng. Tối đến, thùng đầy rượu, cả làng họp lại và cùng nhau uống rượu, nhảy múa chung vui. Đối với dân làng thì ngày đầu tiên của tháng là ngày vui nhất. Tục lệ này kéo dài đã hàng chục năm.

Thế rồi, một hôm, có một người đàn ông trong làng bỗng nghĩ: “Cái thùng to như thế, lại đầy rượu, nếu đổ một bình nước lã vào thì cũng chẳng ai biết.” Nghĩ vậy, anh ta không mang rượu mà mang một bình nước lã đến đổ vào thùng. Thùng rượu vẫn rất đầy và thơm ngon. Vài tháng trôi qua, không có chuyện gì xảy ra.

Cho đến một ngày, khi dân làng họp lại và lấy rượu trong thùng ra uống. Họ vô cùng ngạc nhiên thấy trong thùng chỉ có nước, không có rượu. Thì ra nhiều người trong làng đã biết được việc làm dối trá của người đàn ông kia. Họ không tố giác mà còn làm theo anh ta: đổ nước vào thùng rượu. Kết quả là cả làng phải uống nước lã.

Mọi người tức giận, cãi nhau ầm ĩ. Thế là chỉ vì sự ích kỉ và dối trá, cuộc sống vui vẻ, ấm cúng trong làng không còn nữa.”

(Trích “Thùng rượu” – Truyện vui nước ngoài)

1. Làng nọ đặt cái thùng to giữa làng để làm gì?

- a. để các gia đình đổ nước vào dùng chung
- b. để các gia đình đổ rượu vào rồi cùng uống rượu, nhảy múa, chung vui
- c. để các gia đình đổ rượu vào tiếp khách chung cho cả làng

2. Vì sao lần đầu tiên người đàn ông đổ nước lã vào, thùng rượu vẫn thơm ngon?

- a. Vì nước ở làng ấy rất thơm.
- b. Vì rượu càng pha nước càng ngon.
- c. Vì một bình nước rất ít so với một thùng rượu nên khó phát hiện.

3. Vì sao về sau trong thùng chỉ có nước, không có rượu?

- a. Vì rượu pha nước sẽ biến thành nước.
- b. Vì rượu để lâu đã biến thành nước.
- c. Vì nhiều người biết chuyện đã làm theo người đàn ông đó: đổ nước mà không đổ rượu vào thùng.

TUẦN 32: TÌNH YÊU CUỘC SỐNG

TẬP ĐỌC

“Vương quốc vắng cười” (Theo Trần Đức Tiến)

“Ngắm trăng”, “Không đề” (Hồ Chí Minh)

CHÍNH TẢ

Phân biệt s/x, o/ô

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Thêm trạng ngữ chỉ thời gian, chỉ nguyên nhân cho câu

I. Kiến thức

1. Trạng ngữ chỉ thời gian

- Trạng ngữ chỉ thời gian xác định thời gian diễn ra sự việc nêu trong câu;
- Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho câu hỏi: “Bao giờ?”, “Khi nào?”...

Ví dụ:

“Hàng năm, cứ đến mùa xuân, đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi.”

(Theo Lê Tấn)

Hai trạng ngữ “Hàng năm”, “cứ đến mùa xuân”:

+ Bổ sung ý nghĩa về thời gian cho câu.

+ Trả lời câu hỏi “Khi nào đồng bào Ê-đê, Mơ-nông lại tung bừng mở hội đua voi?”

2. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân bổ sung ý nghĩa chỉ lí do cho sự việc hoặc tình trạng được nói đến trong câu;

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trả lời cho các câu hỏi: “Vì sao?”, “Nhờ đâu?”...

Ví dụ: “Nhờ sự cổ vũ nhiệt tình của các bạn trong lớp, Minh đã giành giải Nhất trong cuộc thi kể chuyện của trường.”

Trạng ngữ “Nhờ sự cổ vũ nhiệt tình của các bạn trong lớp”:

+ Bổ sung ý nghĩa chỉ nguyên nhân của sự việc được nói đến trong câu.

+ Trạng ngữ này trả lời cho câu hỏi “Nhờ đâu Minh đã giành giải Nhất trong cuộc thi kể chuyện của trường?”

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới trạng ngữ trong các câu sau và cho biết trạng ngữ đó bổ sung ý nghĩa gì cho câu:

- a. "Hôm qua còn lấm tấm
Chen lẫn màu lá xanh.
Sáng nay bừng lửa thắm
Rừng rực cháy trên cành."

(Theo Lê Huy Hòa)

b. "Về chiều, sương mù tỏa trắng, Ba Vì nổi bóng bẽnh như một vị thần bất tử ngự trên sóng."

Bài 2. Thêm trạng ngữ chỉ thời gian để hoàn thành các câu sau:

- a. _____, hồ như một chiếc gương bầu dục lớn, sáng long lanh.
b. _____, đám trẻ chơi đá bóng ở bãi cỏ sau đình.
c. _____, muôn loài hoa đang nở rộ.
d. _____, từng đàn chim mãi miết bay về tổ.

Bài 3. Chọn trạng ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống:

- a. (Khi tôi lớn lên, Mùa xuân, Mùa đông, Đến mùa hạ)

"Với tôi, chỉ riêng cây mít đã đủ là một khu vườn. Ông tôi bảo nó được trồng từ thời cụ tôi. _____, cây mít đã cao lừng lững giữa vườn. Thân cây to đến độ phải hai ba đứa trẻ đang tay ôm mới kín. _____, lá vàng rụng xuống san sát trên nền đất. _____, lá non bắt đầu ra. _____, lá mít xanh đen tỏa kín một góc vườn."

- b. (Bên kia đồi, Trên đồng, Mùa xuân)

"Mùa xuân đã về trên cánh đồng. _____, tiếp với đồng là rừng cây. Hoa cánh kiến nở vàng trên rừng, hoa sở và hoa kim anh trắng xóa. Những bầy ong từ rừng bay xuống đồng như những đám mây mỏng lấp lánh. _____, cỏ ống cao lêu đêu đưa trước gió. Cỏ gà, cỏ mật, cỏ tương tư xanh nõn. Ban mai nắng dịu, chim hót líu lo. Gió ngào ngạt mùi thơm của mật và phấn hoa. _____, ngày nào cũng là ngày hội."

(Theo Xuân Quỳnh)

TẬP LÀM VĂN

Kể chuyện đã nghe, đã đọc

Điền vào giấy tờ in sẵn

Bài 1. Hoàn thành thẻ học sinh sau:

Phòng GD &ĐT _____	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Trường _____	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THẺ HỌC SINH	
Họ và tên: _____	
Học sinh lớp: _____ Ngày, tháng, năm sinh: _____	
Số điện thoại: _____	
Địa chỉ: _____	
Ngày ____ tháng ____ năm ____	
HIỆU TRƯỞNG	
(Đã kí)	

Bài 2. Theo em, vì sao học sinh cần nắm được thông tin trong thẻ học sinh trên?

Bài tập mở rộng vốn từ: Lạc quan – Yêu đời

Bài 1. Xếp các từ sau thành ba nhóm:

lạc hậu, lạc điệu, lạc quan, sai lạc, thất lạc, liên lạc, mạch lạc, lạc lõng

a. Những từ trong đó tiếng “lạc” có nghĩa là “vui mừng”:

b. Những từ trong đó tiếng “lạc” có nghĩa là “rớt lại, sai”:

c. Những từ trong đó tiếng “lạc” có nghĩa là “mạng lưới nối liền”:

Bài 2. Xếp các từ sau thành ba nhóm:

liên quan, quan văn, quan võ, lạc quan, sĩ quan, quan lại, quan sát,

tham quan, chủ quan, khách quan

a. Những từ trong đó tiếng “quan” có nghĩa là “người có chức quyền”:

b. Những từ trong đó tiếng “quan” có nghĩa là “nhìn, xem”:

c. Những từ trong đó tiếng “quan” có nghĩa là “liên hệ, gắn bó”:

Bài 3. Chọn từ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống:

lạc quan, lạc hậu, liên lạc, thất lạc

a. Tàu vũ trụ _____ thường xuyên với trái đất.

b. Hồ sơ đã bị _____

c. Nam sống _____, yêu đời.

d. Nền kinh tế vốn đã _____

Bài 4. Gạch dưới trạng ngữ trong các câu và cho biết trạng ngữ đó trả lời cho câu hỏi nào:

a. “Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh.”

b. “Tám giờ tối nay, chúng tôi hẹn nhau đi xem phim.”

c. “Vi mãi chơi, Thỏ con quên làm bài tập về nhà.”

d. “Lúc hoàng hôn, Ảng-co Vát thật huy hoàng.”

Bài 5. Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho mỗi câu sau:

a. _____, Minh không đi dã ngoại cùng cả lớp được.

b. _____, bà đi lại rất khó khăn.

c. _____, Việt đã đạt thành tích cao trong kì thi.

d. _____, đường trơn và lấy lỗi.

Bài 6. Xác định trạng ngữ (nếu có), chủ ngữ, vị ngữ trong những câu văn sau:

a. “Những lúc tôi đang học bài, chú ta đến dụi dụi vào tay, muốn tôi vuốt ve bộ lông mượt như nhung hoặc đùa với chú một tí.”

b. “Từ ngày còn ít tuổi, tôi đã thích những tranh lợn, gà, chuột, ếch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ của làng Hồ.”

c. “Dưới gốc, chỉ chít những búp măng non.”

d. “Chủ nhật tuần trước, lớp em được đi tham quan bến Nhà Rồng.”

Bài 7. Đặt câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân:

a. bắt đầu bằng từ “vì”;

b. bắt đầu bằng từ “nhờ”;

c. bắt đầu bằng từ “tại”.

TẬP LÀM VĂN Luyện tập xây dựng đoạn văn, mở bài và kết bài trong bài văn miêu tả con vật

Bài 1. Đọc bài văn sau và trả lời các câu hỏi:

Chim én

“Mùa xuân là mùa của chim én.

Giêng hai, trời ấm dần. Cây cối nảy mầm xanh, đâm chồi xanh. Lúa mỡ màng xanh ngất trên cánh đồng quê. Cỏ non dẹt thảm chân dê. Trời xanh. Sông xanh. Mờ sáng, tiếng gà gáy râm ran hơn, chim chóc hót véo von hơn, chuông chùa ngân nga hơn... Và trong ánh hồng bình minh, chim én bay đầy trời. Lũ trẻ con tung tăng đến trường bỗng reo lên: “A, mùa xuân đến rồi!”. Chim én chính là “người đưa tin” mùa xuân đấy, các bạn ạ!

Đầu mùa thu, chim én bay về phương Nam tránh rét suốt ba tháng mùa đông. Hơi ấm đầu năm báo cho chim én biết mùa xuân ấm áp đã đến. Én bay về từng đàn, từng đàn. Tiếng kêu “chiu... chiu”. Én khoác màu áo xanh đen bóng mượt. Đôi cánh xòe rộng, chiếc đuôi dài bắt chéo lúc én bay. Bụng én phủ một lớp lông mịn, trắng phau như tuyết. Cái đầu tròn nhỏ, chiếc mỏ bé xinh, đàn én chuyên cần đưa thoi bắt côn trùng cho cây cỏ, cho đồng quê khoai lúa. Mầm xanh hé mắt nhìn én bay. Hoa xuân mỉm cười chào cánh én lượn.

Mẹ em nói: “Năm nào én bay về nhiều là năm ấy được mùa to. Mùa xuân năm 1975, én bay về rợp đồng dưới bãi trên. Năm ấy, miền Nam được giải phóng...”. Chim én là sứ giả mùa xuân. Chim én còn là sứ giả của hòa bình. Trên đường đi học, nhìn chim én bay, em băng khuâng nghĩ thế...”

a. Bài văn trên miêu tả loài vật nào? _____

b. Bài văn gồm có mấy phần? Xác định nội dung của từng phần.

Bài 2. Tìm trạng ngữ chỉ mục đích để điền vào chỗ trống thích hợp:

a. _____, đội văn nghệ trường em đã tập luyện hàng tháng trời.

b. _____, trường em phát động phong trào gây quỹ “Vi người nghèo”.

c. _____, chúng em cần thường xuyên đọc sách báo, luyện viết bài văn, đoạn văn.

d. _____, chúng ta cần tập thể dục thường xuyên.

e. _____, các bác nông dân phải làm việc vất vả.

Bài 3. Thêm từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo câu có trạng ngữ chỉ mục đích:

a. Để trở thành con ngoan, trò giỏi, _____

b. Vì môi trường xanh – sạch – đẹp, _____

c. Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, _____

Bài 4. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ của những câu sau:

a. “Vi muốn đứa con thân yêu có một tương lai tốt đẹp, người mẹ sẵn sàng chấp nhận mọi gian khổ.”

b. “Nhằm giữ gìn vệ sinh môi trường, chúng em thường xuyên dọn vệ sinh trường lớp.”

c. “Vi gia đình thân yêu của mình, ông ấy đã làm việc chăm chỉ, cần cù.”

Bài 5. Đặt câu có trạng ngữ chỉ mục đích:

a. bắt đầu bằng từ “vi”;

b. bắt đầu bằng từ “để”.

TUẦN 33: TÌNH YÊU CUỘC SỐNG

TẬP ĐỌC

“Vương quốc vắng nụ cười” (Theo Trần Đức Tiến)

“Con chim chiến chiến” (Huy Cận)

CHÍNH TẢ

Phân biệt tr/ch, iêu/iu

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Mở rộng vốn từ: “Lạc quan – Yêu đời”

Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu

I. Kiến thức

Trạng ngữ chỉ mục đích cho câu

- Trạng ngữ chỉ mục đích nêu lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu;
- Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho các câu hỏi: “Để làm gì?”, “Nhằm mục đích gì?”, “Vì cái gì?”...

Ví dụ: “Để có hiểu biết sâu rộng, chúng ta nên đọc sách báo thường xuyên.”

Trạng ngữ “Để có hiểu biết sâu rộng”:

- + Nêu ra mục đích của sự việc được nói đến trong câu.
- + Trả lời câu hỏi “Chúng ta nên đọc sách báo thường xuyên để làm gì?”.

II. Bài tập

Bài 1. Gạch dưới trạng ngữ chỉ mục đích trong mỗi câu sau và cho biết trạng ngữ đó trả lời cho câu hỏi nào:

a. “Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì lí tưởng của Bác Hồ vĩ đại, thiếu niên sẵn sàng.”

Trạng ngữ trả lời câu hỏi: _____

b. “Nhằm giáo dục ý thức tôn trọng luật lệ giao thông, Đài truyền hình thành phố đã mở chuyên mục “Tôi yêu Việt Nam”.”

Trạng ngữ trả lời câu hỏi: _____

c. “Để mài cho răng mòn đi, chuột thường gặm các vật cứng.”

Trạng ngữ trả lời câu hỏi: _____

d. “Vì độc lập, vì tự do của Tổ quốc, các chiến sĩ đã dũng cảm hi sinh.”

Trạng ngữ trả lời câu hỏi: _____

Bài 2. Đọc các đoạn mở bài sau và cho biết mở bài đó được viết theo cách trực tiếp hay gián tiếp:

a. “Cả gia đình em đều yêu quý động vật. Nhà em nuôi mèo, cá cảnh và cả hai con chim sáo hót rất hay. Nhưng người bạn thân thiết, hay đón em từ cổng mỗi khi em đi đâu về là chú cún con.”

b. “Đó là chú gà trống nòi mẹ cho em nuôi, kể từ ngày chị em chú bắt đầu sống tự lập. Mới đó mà đã năm, sáu tuần trăng trôi qua.”

c. “Khu vườn trưa đầy gió mát và tiếng chim reo trong lá, vạn vật như đắm chìm trong không gian bình yên của làng quê. Một hình ảnh khiến em vô cùng ấn tượng đó là chú vẹt nhiều màu sắc đang đậu vắt vẻo trên cành cây trông thật đẹp.”

Bài 3. Viết kết bài mở rộng cho bài văn tả một con vật nuôi mà em yêu quý.

PHIẾU CUỐI TUẦN 32

Bài 1. Đọc đoạn trích sau rồi khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

“Tôi đứng tựa trên lan can, lặng người ngắm cảnh đẹp huyền ảo của đêm nay. Sao ở đâu mà nhiều thế! Tắm tắm nhưng đèn tuyến của bầu trời đêm dính chỉ chút đầy sao kim cương. Lóng lánh, lóng lánh như viên ngọc sáng chói, những ngôi sao lúc ẩn lúc hiện sau màn voan mây mỏng.

Tôi nhìn ra xa, biển lúa chín vàng óng dát một lớp bạc óng ánh như thủy ngân. Không có trăng, chỉ có sao thôi, nhưng tôi vẫn nhìn thấy mọi vật. Xa xa, dòng sông là dải Ngân Hà mà con thuyền là chiếc lá tre nhỏ bé trôi lững lờ giữa mệnh mỏng tĩnh lặng. Tiếng mái chèo khua nước long bong bên mạn thuyền, ánh đèn dầu đỏ quạch le lói trong khoang. Trên đường làng, hàng cây in đủ hình thù kinh dị. Chợt luồng gió lạnh buốt thổi tới, tôi rùng mình. Trong gió thoang thoảng hương hoa đồng quỳ với mùi lúa chín, cỏ khô thơm dịu dịu. Không ồn ào, sôi động như ở thành phố đêm đông quê có một sức quyến rũ lạ kì bao lần khiến lòng tôi ngây ngất.”

(Trích “Đêm thôn dã” – Theo Lý Bảo Ngân)

1. Đoạn trích trên tả cảnh gì?

- a. bầu trời đêm b. đồng quê c. đêm ở đồng quê

2. Chi tiết nào cho thấy bầu trời đêm ở đồng quê rất đẹp?

- a. Bầu trời đêm như tắm tắm nhưng đèn tuyến dính chỉ chút đầy sao kim cương.
b. Bầu trời đêm được dát một lớp bạc óng ánh như thủy ngân.
c. Bầu trời đêm có những đám mây voan mỏng.

3. Vì sao tác giả thấy đêm đồng quê có sức quyến rũ lạ kì?

- a. Vì đêm đồng quê yên tĩnh, chứ không ồn ào, náo nhiệt như ở thành phố.
b. Vì những sự vật ở đồng quê về đêm rất đẹp.
c. Cả a và b đều đúng.

4. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Ai (Cái gì/Con gì)?”; 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Là gì (Làm gì/Thế nào)?” trong mỗi câu sau:

- a. “Bầu trời đêm lấp lánh muôn ngàn vì sao.”
b. “Dòng sông lặng lẽ trôi giữa đôi bờ xanh ngắt.”
c. “Trong gió, hương hoa đồng nội, mùi lúa chín, mùi cỏ khô thơm dịu dịu.”

5. Gạch dưới một câu văn có sử dụng biện pháp so sánh trong đoạn trích trên.

Bài 2. Gạch dưới trạng ngữ chỉ thời gian trong các câu sau:

- a. “Ngày mai, khi bức màn mây hồng tím vén lên, mặt trời rạng rỡ sẽ làm cho vạn vật bừng dậy.”
b. “Nửa đêm về sáng, trời bắt đầu lạnh lạnh.”
c. “Một sáng mùa hè, tôi được về thăm nhà cậu tôi.”
d. “Buổi mai hôm ấy, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp.”

Bài 3. Nối cột A với cột B để tạo câu phù hợp:

A
Do vi phạm luật lệ giao thông,
Vi bị ốm,
Nhờ chăm chỉ, cần cù,
Nhờ nỗ lực vươn lên trong cuộc sống,

B
Nam phải nghỉ học.
gia đình anh Sáu đã thoát khỏi cảnh nghèo khó.
cậu ấy đã bị công an xử phạt.
cậu ấy đã có nhiều tiến bộ trong học tập.

Bài 4. Thêm trạng ngữ chỉ thời gian hoặc trạng ngữ chỉ nguyên nhân thích hợp vào mỗi câu dưới đây:

- a. _____, cuộc thi cắm trại bắt đầu.
b. _____, em giúp mẹ tưới cây.
c. _____, trăm hoa đua nở.
d. _____, em được bố mẹ tặng một chiếc cặp.

Bài 5. Viết mở bài gián tiếp cho đề văn tả một chú chó đáng yêu.
